

Bản án số: 178/2019/HS-PT
Ngày 17 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 537/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn T , do có kháng cáo của những người bị hại (21 bị hại) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 02 và ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo: Nguyễn Văn T , sinh năm 1964 tại huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị B1 ; vợ bị cáo là Trần Thị T1 ; có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Võ Thanh K – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Luật sư Phan Văn S - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

1/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961 (có mặt).

2/ Bà Trần Thị Thu T3, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng cư trú: xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Bà Trần Thị Bích T4, sinh năm 1983 (vắng mặt).

- 4/ Bà Trần Thị D , sinh năm 1974 (vắng mặt).
5/ Bà Lê Thị Hồng L , sinh năm 1978 (có mặt).
6/ Bà Trịnh Thị Kim P , sinh năm 1973 (vắng mặt).
7/ Bà Trần Thị Bé N , sinh năm 1958 (có mặt).
8/ Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1966 (có mặt).
9/ Ông Lương Văn L1, sinh năm 1960 (có mặt).
10/ Bà Phùng Thị H , sinh năm 1963 (có mặt).
11/ Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1950 (có mặt).
12/ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1970 (có mặt).
13/ Bà Đỗ Thị Kim H1, sinh năm 1967 (có mặt).
14/ Bà Nguyễn Thị L2 , sinh năm 1959 (có mặt).
15/ Bà Phùng Thị L3, sinh năm 1956 (có mặt).
16/ Bà Trần Thị My N3, sinh năm 1968 (có mặt).
17/ Bà Hồ Thị Thu C , sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- 18/ Bà Đinh Ngọc D1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- 19/ Bà Võ Thị N3, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- 20/ Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- 21/ Bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Nga và bà Đỗ Thị Kim Huệ:** Luật sư Nguyễn Ngọc S1 – Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ.

- **Người liên quan:** Bà Trần Thị T1, sinh năm 1965 - vợ bị cáo Tuấn (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2012 đến tháng 7/2016, Nguyễn Văn T cùng vợ là Trần Thị T1 có tổ chức chơi hụi (T làm đầu thảo hụi, còn chị T1 có nhiệm vụ đi

gom hụi về đưa cho T). T mở nhiều dây hụi gồm hụi tháng, hụi mùa và hụi vàng. Mỗi dây hụi T đều photo danh sách cho từng hụi viên. Hàng tháng, T tổ chức khui hụi tại nhà 01 lần, hình thức bỏ thăm kín, thăm nào cao thì hốt, sau khi khui hụi xong thì T hoặc T1 gom tiền hụi của các hụi viên khác và giao tiền lại cho hụi viên được hốt. T và T1 được hưởng hoa hồng 40% của 01 phần (chung) hụi đó.

Quá trình tổ chức chơi hụi, T biết các hụi viên rất tin tưởng T và T thấy có nhiều hụi viên không đến khui hụi hoặc ít đến khui. Đồng thời, trong thời gian này do thiếu nợ cần tiền trả nợ, đóng choàng hụi và tiêu xài cá nhân, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hụi viên. Từ đó, T đã đặt tên khổng và tự ý lấy tên của các hụi viên ít đi khui hụi hoặc không đi khui hụi để bỏ thăm kêu hốt nhằm chiếm đoạt tài sản, lấy tiền trả nợ vay và tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Nguyễn Văn T trong việc tổ chức chơi hụi như sau:

- Hụi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng – có 09 dây hụi
- Hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng – có 05 dây hụi
- Hụi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng – có 01 dây hụi
- Hụi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/3 tháng – có 03 dây hụi
- Hụi mùa lúa 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/4 tháng – có 01 dây hụi
- Hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng – có 01 dây hụi
- Hụi vàng 01 chỉ vàng 24K/4 tháng – có 01 dây hụi

*** Từng dây hụi được thể hiện cụ thể như sau:**

I. Hụi 1.000.000 đồng/tháng gồm 09 dây hụi, cụ thể:

1. Dây hụi thứ 01.

Hụi mở ngày 07/4/2015 dương lịch (nhằm ngày 19/02/2015 âm lịch). Hụi có 20 phần, gồm 19 người (hụi viên) tham gia. Hụi khui được 19 lần, trong đó bị cáo T đưa giả thông tin là có người hốt, bị cáo tự lấy tên hụi viên hốt 04 lần, hụi viên hốt 15 lần, cụ thể:

*** Bị cáo tự lấy tên 04 hụi viên để kêu hốt gồm.**

- Hồ Thị Thu C hốt lần thứ 08: 16.100.000 đồng
- Phạm Thị Thu M hốt lần thứ 12: 17.000.000 đồng
- Nguyễn Thị T6 hốt lần thứ 14: 17.300.000 đồng
- Trần Thị N hốt lần thứ 15: 17.300.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo lấy tên 04 hụi viên để kêu hốt để chiếm đoạt số tiền là 67.700.000 đồng. Sau đó bị cáo đóng tiền hụi lại cho các hụi viên với tổng số tiền là 4.520.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 67.700.000 đồng – 4.520.000 đồng = 63.180.000 đồng

2. Dây hụi thứ 02.

Hụi mở ngày 07/4/2015 dương lịch (nhằm ngày 19/02/2015 âm lịch). Hụi có 19 phần, gồm 18 người (hụi viên) tham gia. Hụi khui được 16 lần, trong đó bị cáo T lấy tên không hốt 01 lần, bị cáo tự lấy tên hụi viên hốt 02 lần, hụi viên hốt 16 lần, cụ thể:

* Bị cáo lấy tên không chị U kêu 01 lần (thứ 02) số tiền; 13.600.000 đồng

* Bị cáo tự lấy tên 02 hụi viên để kêu hốt gồm.

- Phùng Thị H hốt lần thứ 11: 16.500.000 đồng

- Hồ Thị Thu C hốt lần thứ 12: 16.800.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo lấy tên hụi viên để kêu không để hốt chiếm đoạt trong dây hụi này là 46.900.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong, bị cáo đóng tiền lại cho các hụi viên với tổng số tiền là 19.630.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 46.900.000 đồng – 19.630.000 đồng = 27.270.000 đồng

3. Dây hụi thứ 03.

Hụi mở ngày 30/7/2015 dương lịch (nhằm ngày 15/6/2015 âm lịch). Hụi có 26 phần, gồm 20 người (hụi viên) tham gia, bị cáo sang hụi tham gia 01 phần. Hụi khui được 15 lần, trong đó bị cáo T mượn hụi được hụi viên đồng ý hốt 01 lần; bị cáo hốt 01 lần, bị cáo tự lấy tên hụi viên hốt 03 lần, hụi viên hốt 10 lần, cụ thể:

* Bị cáo tự lấy tên 02 hụi viên để kêu hốt gồm.

- Nguyễn Thị Lê T4 hốt lần thứ 08: 16.080.000 đồng

- Phan Thanh N5 hốt lần thứ 11: 17.600.000 đồng và kêu hốt lần thứ 13 là 16.175.000 đồng. Tổng cộng 02 lần là 33.775.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo lấy tên hụi viên kêu không để hốt chiếm đoạt số tiền trong dây hụi này là 49.855.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong, bị cáo đóng lại cho hụi viên với số tiền 3.800.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 49.855.000 đồng – 3.800.000 đồng = 46.055.000 đồng.

4. Dây hụi thứ 05.

Hụi mở ngày 02/11/2015 dương lịch (nhằm ngày 21/9/2015 âm lịch). Hụi có 26 phần, gồm 19 người (hụi viên) tham gia, bị cáo sang hụi tham gia 02 phần. Hụi khui được 12 lần, trong đó bị cáo T mượn hụi được hụi viên đồng ý hốt 03 lần; bị cáo hốt 02 lần, hụi viên hốt 04 lần, bị cáo tự lấy tên hụi viên hốt 03 lần, cụ thể:

* Bị cáo tự lấy tên 03 hội viên để kêu hốt gồm.

- Nguyễn Thị T3 hốt lần thứ 07: 15.600.000 đồng

- Trần Thị G hốt lần thứ 09: 15.180.000 đồng và lần thứ 12: 16.000.000 đồng. Tổng cộng là 31.180.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo lấy tên hội viên kêu hốt để chiếm đoạt trong dây hội này là 46.780.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong bị cáo đóng tiền hội lại cho hội viên với số tiền là 800.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hội này là 46.780.000 đồng – 800.000 đồng = 45.980.000 đồng

* Riêng các dây hội mở ngày 02/11/2015 dương lịch (nhằm ngày 09/7/2015 âm lịch); dây hội mở ngày 09/02/2016 dương lịch (nhằm ngày 02/01/2016 âm lịch); dây hội mở ngày 30/4/2016 dương lịch (nhằm ngày 24/3/2016 âm lịch); dây hội mở ngày 27/7/2016 dương lịch (nhằm ngày 24/6/2016 âm lịch) và dây hội mở ngày ngày 10/3/2016 dương lịch nhằm 02/02/2016 âm lịch). Các dây hội này bị cáo không thực hiện hành vi lấy tên hội viên kêu không để chiếm đoạt.

II. Hội 2.000.000 đồng/tháng gồm 05 dây, cụ thể:

1. Dây hội thứ 01.

Hội mở ngày 07/4/2015 dương lịch (nhằm 19/02/2015 âm lịch). Hội có 25 phần, gồm có 18 người (hội viên) tham gia, bị cáo tham gia 01 phần, bị cáo lấy tên không 01 phần. Hội khai được 19 lần; trong đó: hội viên hốt 13 lần, bị can hốt thật 01 lần, bị cáo kêu không hốt 01 phần và bị cáo tự ý lấy tên hội viên hốt 04 lần, cụ thể:

* Bị cáo lấy tên không (U) hốt 01 lần số tiền: 31.400.000 đồng

* Bị cáo tự lấy tên 02 hội viên để kêu hốt gồm.

- Trần Thị G hốt lần thứ 14: 37.600.000 đồng

- Đinh Ngọc D1 hốt lần thứ 15: 41.200.000 đồng; kêu hốt lần thứ 16: 39.400.000 đồng và lần thứ 19: 38.000.000 đồng. Tổng cộng 3 lần là 118.600.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo lấy tên hội viên kêu để hốt chiếm đoạt trong dây hội này là 187.600.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong, bị cáo đóng tiền hội lại cho hội viên với tổng số tiền là 28.830.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hội này là 187.600.000 đồng – 28.830.000 đồng = 158.770.000 đồng.

2. Dây hội thứ 02.

Hội mở ngày 03/10/2015 dương lịch (nhằm ngày 21/8/2015 âm lịch). Hội có 25 phần, gồm có 19 người tham gia. Hội khai được 13 lần, trong đó: Hội viên

hót 04 lần, bị cáo mượn hội được hội viên đồng ý hót 05 lần và bị cáo tự ý lấy tên hội viên hót 04 lần, cụ thể:

* Bị cáo tự lấy tên 02 hội viên để kêu hót gồm.

- Trần Thị G hót lần thứ 08: 33.060.000 đồng và lần thứ 09: 36.360.000 đồng. Tổng cộng 2 lần là 69.420.000 đồng

- Lê Văn H3 hót lần thứ 12: 33.200.000 đồng và lần thứ 13: 33.200.000 đồng. Tổng cộng 02 lần là 66.400.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo lấy tên hội viên để kêu hót chiếm đoạt trong dây hội này là 135.820.000 đồng. Sau khi kêu hót lấy tiền xong, bị cáo đóng tiền hội lại cho hội viên với số tiền là 1.440.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hội này là 135.820.000 đồng – 1.440.000 đồng = 134.380.000 đồng.

3. Dây hội thứ 03.

Hội mở ngày 12/4/2016 dương lịch (nhằm ngày 06/3/2016 âm lịch). Hội có 30 phần, gồm có 21 người tham gia, bị cáo sang hội 01 phần. Hội khai được 06 lần, trong đó: Hội viên hót 01 lần, bị cáo mượn hội được hội viên đồng ý hót 04 lần và bị cáo tự ý lấy tên hội viên hót 01 lần, cụ thể:

* Bị cáo tự lấy tên 01 hội viên để kêu hót gồm.

- Lê Thị Út T7 hót lần thứ 06: 35.600.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hội này là 35.600.000 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng)

* Riêng các dây hội mở ngày 30/7/2015 dương lịch (nhằm ngày 15/6/2015 âm lịch) và dây hội mở ngày 30/4/2016 dương lịch (nhằm ngày 24/3/2016 âm lịch). Các dây hội này bị cáo không thực hiện hành vi lấy tên hội viên để kêu không chiếm đoạt.

III. Hội 3.000.000 đồng/tháng có 01 dây cụ thể.

Hội mở ngày 30/01/2016 dương lịch (nhằm ngày 21/12/2015 âm lịch). Hội có 20 phần, gồm 12 người (hội viên) tham gia, bị cáo sang hội tham gia 02 phần. Hội khai được 09 lần, trong đó: hội viên hót 04 lần, bị cáo hót 02 lần và bị cáo tự ý lấy tên hội viên hót 03 lần, cụ thể:

* Bị cáo tự lấy tên 03 hội viên để kêu hót gồm.

- Trần Thị G hót lần thứ 07: 39.160.000 đồng và kêu hót lần thứ 08: 40.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần là 79.160.000 đồng

- Nguyễn Văn H4 hót lần thứ 09: 38.000.000 đồng

Như vậy, bị cáo lấy tên hội viên để kêu hót chiếm đoạt tổng số tiền trong dây hội này là 117.160.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng). Sau khi kêu hót lấy tiền xong thì bề hội nên bị cáo không có đóng tiền lại cho hội viên.

IV. Hụi 3.000.000 đồng/3 tháng, gồm 03 dây cụ thể:

1. Dây hụi thứ 01.

Hụi mở ngày 29/10/2012 dương lịch (nhằm ngày 15/9/2012 âm lịch). Hụi có 20 phần, gồm 17 người (hụi viên) tham gia. Hụi khai được 17 lần, trong đó: hụi viên hốt 16 lần, bị cáo tự ý lấy tên hụi viên hốt 01 lần, cụ thể:

* Bị cáo tự lấy tên 01 hụi viên để kêu hốt gồm.

- Trần Thị G hốt lần thứ 14: 53.350.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 53.350.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong, bị cáo đóng tiền lại cho hụi viên tổng số tiền là 4.900.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 53.350.000 đồng – 4.900.000 đồng = 48.450.000 đồng

2. Dây hụi thứ 02.

Hụi mở ngày 21/8/2013 dương lịch (nhằm ngày 15/7/2013 âm lịch). Hụi có 18 phần, gồm 14 người (hụi viên) tham gia, bị cáo sang hụi tham gia 01 phần, bị cáo lấy tên không (U) tham gia 02 phần. Hụi khai được 10 lần, trong đó: hụi viên hốt 05 lần, bị cáo mượn hụi hốt 02 lần, bị cáo hốt 01 lần và bị cáo kêu không hốt 02 lần, cụ thể:

* Bị cáo lấy tên không (U) kêu hốt 02 lần: lần thứ 02: 25.500.000 đồng và lần thứ 03: 23.250.000 đồng. Tổng số tiền 02 lần hốt là 48.750.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo lấy tên hụi viên kêu không để hốt chiếm đoạt trong dây hụi này là 48.750.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong, bị cáo đóng tiền lại cho hụi viên với số tiền 27.400.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hụi này là 48.750.000 đồng – 27.400.000 đồng = 21.350.000 đồng

3. Dây hụi thứ 03.

Hụi mở ngày 17/7/2015 dương lịch (nhằm ngày 02/6/2015 âm lịch). Hụi có 20 phần, gồm 14 người (hụi viên) tham gia. Hụi khai được 06 lần, trong đó: hụi viên hốt 02 lần, bị cáo mượn hụi hốt 04 lần.

Dây hụi này bị cáo không có thực hiện hành vi chiếm đoạt.

V. Hụi 5.000.000 đồng/tháng, có 01 dây cụ thể.

Hụi mở ngày 21/9/2015 dương lịch (nhằm ngày 09/8/2015 âm lịch). Hụi có 18 phần, gồm 12 người (hụi viên) tham gia. Hụi khai được 13 lần, trong đó: Hụi viên hốt 10 lần, bị cáo tự ý lấy tên hụi viên hốt 03 lần, cụ thể:

* Bị cáo lấy tên 03 hụi viên kêu hốt 03 lần gồm:

- Nguyễn Hữu T8 kêu hốt lần thứ 4: 73.500.000 đồng và kêu hốt lần thứ 10: 79.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần là 152.500.000 đồng

- Võ Chơn T9 kêu hốt lần thứ 06 số tiền: 71.800.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo lấy tên hội viên để kêu hốt chiếm đoạt trong dây hội này là 224.300.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong, bị cáo đóng lại cho hội viên với số tiền là 15.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hội này là 224.300.000 đồng – 15.500.000 đồng = 208.800.000 đồng

VI. Hội 3.000.000 đồng/4 tháng (hội theo mùa lúa), có 01 dây, cụ thể.

Hội mở ngày 10/3/2013 dương lịch (nhằm ngày 29/01/2013 âm lịch). Hội có 16 phần, gồm 13 người (hội viên) tham gia. Hội khai được 11 lần, trong đó: Hội viên hốt 07 lần, bị cáo mượn hội được hội viên đồng ý hốt 01 lần, bị cáo lấy tên không hốt 01 lần và bị cáo tự ý lấy tên hội viên hốt 02 lần, cụ thể:

* Bị cáo lấy tên không kêu hốt 01 lần thứ 06 số tiền: 28.390.000 đồng

* Bị cáo lấy tên hội viên kêu hốt 02 lần gồm:

- Trần Thị G kêu hốt lần thứ 09: 32.850.000 đồng và kêu hốt lần thứ 10: 31.050.000 đồng. Tổng cộng 02 lần là 63.900.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo lấy tên hội viên để kêu không chiếm đoạt số tiền trong dây hội này là 92.290.000 đồng. Sau khi kêu hốt lấy tiền xong, bị cáo đóng lại cho hội viên với số tiền là 15.040.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong dây hội này là 92.290.000 đồng – 15.040.000 đồng = 77.250.000 đồng

VII. Hội 01 chỉ vàng 24K/4 tháng (kêu theo mùa lúa), gồm 01 dây, cụ thể:

Hội mở ngày 06/02/2012 dương lịch (nhằm ngày 15/01/2012 âm lịch). Hội có 17 phần, gồm 12 người (hội viên) tham gia, bị cáo sang hội tham gia 02 phần, bị cáo lấy tên không 01 phần. Hội khai được 14 lần, trong đó: Hội viên hốt 09 lần, bị cáo mượn hội hốt 02 lần, bị cáo hốt 02 lần và bị cáo lấy tên không hốt 01 lần, cụ thể:

Bị cáo lấy tên không (U) kêu hốt lần thứ 02 với số vàng là 10 chỉ 07 phân 05 li vàng 24K.

Tổng số vàng bị cáo lấy tên không để kêu hốt chiếm đoạt là: 10 chỉ 07 phân 05 li vàng 24K. Sau khi hốt xong bị cáo đóng lại cho hội viên số vàng là 08 chỉ 06 phân 08 li vàng 24K.

Như vậy, tổng số vàng bị cáo chiếm đoạt trong dây hội này là 10 chỉ 07 phân 05 li vàng 24K – 08 chỉ 06 phân 08 li vàng 24K = 02 chỉ 0 phân 07 li vàng 24K.

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn T đã lấy 31 phần hội của các hội viên trong 13 dây hội trên, kêu không để hốt chiếm đoạt tổng số tiền là: 984.245.000 đồng và 02 chỉ 07 li vàng 24K.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Trong 21 (hai một) dây hội có 100 (một trăm) hội viên tham gia, bị cáo lấy 31 phần hội để kêu hót, hiện bị can còn nợ từng hội viên và hội viên nợ lại bị cáo như sau:

I. Số tiền bị cáo nợ hội viên.

1-Tổng số tiền bị cáo nợ 77 (Bảy mươi bảy) hội viên trong 21 (Hai mươi một) dây hội là: 2.390.353.000đ (Hai tỉ, ba trăm chín mươi triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) và 22 chỉ 02 phân 09 li vàng 24K, trong đó:

* Số tiền bị cáo đã trả xong cho 09 (Chín) hội viên là: **245.150.000đ (Hai trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)** và **11 chỉ 02 phân 05 li vàng 24K**, gồm các hội viên có tên sau:

1. Nguyễn Thị Thanh N – sinh năm 1964, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 74.540.000 đồng và 08 chỉ 04 phân 05 li vàng 24K

2. Võ Thị H5 – sinh năm 1957, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 13.800.000 đồng

3. Phan Thanh N5 – sinh năm 1976, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 28.100.000 đồng

4. Trần Thị N – sinh năm 1974, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 3.750.000 đồng

5. Trần Thị Hồng D – sinh năm 1977, HKTT, huyện Mang Thít, số tiền 39.820.000 đồng

6. Phạm Hoàng Tuấn K1 – sinh năm 1971, HKTT: phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 30.960.000 đồng và 02 chỉ 08 phân vàng 24K.

7. Trần Thị Hồng N8 – sinh năm 1953, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 2.970.000 đồng

8. Trần Thị C1 – sinh năm 1957, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 2.870.000 đồng

9. Nguyễn Hữu T10 – sinh năm 1973, HKTT: phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 48.340.000 đồng

* Số tiền bị cáo đã trả 01 phần cho 08 (Tám) hội viên với tổng số tiền là: **155.850.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng)** gồm các hội viên có tên sau:

1. Nguyễn Thị Tuyết V – sinh năm 1970, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 400.000 đồng.

2. Phạm Văn K2 – sinh năm 1962, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 1.900.000 đồng

3. Ngô Thị T11 – sinh năm 1957, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 8.390.000 đồng

4. Nguyễn Thị Tuyết V1 – sinh năm 1979, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 2.000.000 đồng

5. Lê Thị V2 - sinh năm 1974, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 1.300.000 đồng

6. Nguyễn Văn H4 – sinh năm 1972, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 12.000.000 đồng

7. Hồ Thị S2 – sinh năm 1949, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 33.000.000 đồng

8. Trần Thị G – sinh năm 1945, HKTT: huyện Vũng Liêm, số tiền 96.860.000 đồng.

Ngoài các hội viên trên thì còn 66 (Sáu mươi sáu) hội viên yêu cầu bị cáo phải trả với tổng số tiền là: 1.987.458.000 đồng (Một tỉ, chín trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) và 11 chỉ 0 phân 08 li vàng 24K. Cụ thể từng hội viên như sau:

1/ Nguyễn Thị T12 - SN 1961, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 79.360.000đ (Bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

2/ Trần Thị Cẩm H6- SN 1985, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 2.140.000đ (Hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).

3/ Nguyễn Thị P - SN 1982, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 9.260.000đ (Chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

4/ Nguyễn Thanh H3 - SN 1971, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 5.320.000đ (Năm triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng).

5/ Châu Thị B1 - SN 1947, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 15.815.000đ (Mười lăm triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng).

6/ Phan Thị H 7 - SN 1970, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 13.800.000đ (Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

7/ Trần Thị Thu T3 - SN 1983, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 23.360.000đ (Hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

8/ Nguyễn Thị U- SN 1983, HKTT: huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 5.710.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

9/ Nguyễn Thị Mỹ A - SN 1982, HKTT: huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 5.710.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

10/ Trần Thị Lệ Q - SN 1978, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 27.530.000đ (Hai mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

11/ Hồ Văn H8 - SN 1966, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 12.990.000đ (Mười hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

12/ Trần Thị Đ - SN 1946, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 21.190.000đ (Hai mươi một triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).

13/ Nguyễn Thụy Phương T13 - SN 1979, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 13.800.000đ (Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

14/ Nguyễn Thị Tuyết V1 - SN 1979, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 5.490.000đ (Năm triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

15/ Lê Thị H9 - SN 1956, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 6.150.000đ (Sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

16/ Trần Thị Bích T4 - SN 1983, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 64.300.000đ (Sáu mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng).

17/ Nguyễn Thị Kim H2 - SN 1975, HKTT thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long: 138.810.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu, tám trăm mười nghìn đồng).

18/ Phùng Thị M - SN 1965, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 11.690.000đ (Mười một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

19/ Phạm Văn K2 - SN 1962, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 3.810.000đ (Ba triệu, tám trăm mười nghìn đồng).

20/ Ngô Thị T11 - SN 1957, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 9.630.000đ (Chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

21/ Trần Thị D - SN 1974, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 9.950.000đ (Chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

22/ Võ Thị Hồng N9- SN 1974, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 12.300.000đ (Mười hai triệu, ba trăm nghìn đồng).

23/ Nguyễn Thị Tuyết V1- SN 1979, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 30.800.000đ (Ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng).

24/ Lê Thị V2 - SN 1974, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 17.850.000đ (Mười bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

25/ Trần Văn Bé S3 - SN 1962, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 13.060.000đ (Mười ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).

26/ Võ Thị N3- SN 1968, HKTT: huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 8.410.000đ (Tám triệu, bốn trăm mười nghìn đồng).

27/ Trần Thị N10- SN 1941, HKTT: huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 13.270.000đ (Mười ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

28/ Lê Thị Hồng L - SN 1978, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 97.110.000đ (Chín mươi bảy triệu, một trăm mười nghìn đồng).

29/ Trịnh Kim P - SN 1973, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 38.680.000đ (Ba mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- 30/ Trần Thị Bé N - SN 1958, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 22.640.000đ (Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).
- 31/ Lê Thị D2 - SN 1954, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 5.710.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).
- 32/ Nguyễn Văn H4 - SN 1972, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 48.860.000đ (Bốn mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).
- 33/ Nguyễn Văn T14- SN 1966, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 17.090.000đ (Mười bảy triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).
- 34/ Lương Văn L1- SN 1960, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 56.405.000đ (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).
- 35/ Phùng Thị H - SN 1963, HKTT huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 5.335.000đ (Năm triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
- 36/ Lê Thị Ngọc M1 - SN 1957, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 6.630.000đ (Sáu triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng).
- 37/ Đoàn Thị N11- SN 1967, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 38.380.000đ (Ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).
- 38/ Lê Kim N12 - SN 1967, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 5.120.000đ (Năm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).
- 39/ Nguyễn Xuân V3 - SN 1966, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 8.030.000đ (Tám triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng).
- 40/ Lê Văn H3- SN 1961, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 72.095.000đ (Bảy mươi hai triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).
- 41/ Phạm Thị Thu M - SN 1960, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 13.915.000đ (Mười ba triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng).
- 42/ Nguyễn Đức T8 - SN 1965, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 35.030.000đ (Ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng).
- 43/ Nguyễn Thị T6 - SN 1950, HKTT : huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 22.390.000đ (Hai mươi hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).
- 44/ Nguyễn Văn H3- SN 1979, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 5.710.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).
- 45/ Nguyễn Thị N1 - SN 1970, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 27.620.000đ (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).
- 46/ Trần Văn Bé B2- SN 1950, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 31.630.000đ (Ba mươi một triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng).
- 47/ Nguyễn Thị N4- SN 1963, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 08 chỉ 05 phân 01 li vàng 24K.

48/ Huỳnh Thị Thứ N12 - SN 1973, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 08 chỉ 05 phân 01 li vàng 24K.

49/ Trần Thị N13 - SN 1975, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 2.515.000đ (Hai triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng).

50/ Lê Thị Cẩm H10 - SN 1969, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 9.430.000đ (Chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

51/ Nguyễn Thị Phương T15 - SN 1991, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 2.400.000đ (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

52/ Hồ Thị S2 - SN 1949, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 30.526.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

53/ Võ Chơn T9- SN 1981, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 86.502.000đ (Tám mươi sáu triệu, năm trăm lẻ hai nghìn đồng).

54/ Đỗ Thị Kim H11 - SN 1967, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 68.055.000đ (Sáu mươi tám triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

55/ Nguyễn Thị L2 - SN 1959, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 151.740.000đ (Một trăm năm mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

56/ Nguyễn Thị Mỹ K3 - SN 1957, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 24.250.000đ (Hai mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

57/ Phùng Thị L3- SN 1956, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 114.525.000đ (Một trăm mười bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

58/ Đinh Ngọc D1- SN 1983, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 65.785.000đ (Sáu mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

59/ Nguyễn Thị S3 - SN 1961, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 27.600.000đ (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

60/ Hồ Thị Hồng G1 - SN 1984, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 5.120.000đ (Năm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

61/ Trần Thị G - SN 1945, HKTT: huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: 6.760.000đ (Sáu triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

62/ Nguyễn Thanh T16 - SN 1969, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 10.200.000đ (Mười triệu, hai trăm nghìn đồng).

Trong 66 hội viên này thì có 04 hội viên giữa bị can và hội viên có nợ tiền qua lại với nhau, cụ thể gồm:

1/ Nguyễn Thị Lệ T4 - SN 1970, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: Bị cáo nợ: 21.410.000đ (Hai mươi một triệu, bốn trăm mười nghìn đồng); Hội viên nợ bị cáo: 03 chỉ 09 phân 04 li vàng 24K.

2/ Trần Thị My N2 - SN 1968, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: Bị cáo nợ: 195.210.000đ (*Một trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm mười nghìn đồng*); Hui viên nợ bị cáo: 05 chỉ 05 phân 05 li vàng 24K.

3/ Hồ Thị Thu C - SN 1984, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: Bị cáo nợ: 50.915.000đ (*Năm mươi triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng*); Hui viên nợ bị cáo: 05 chỉ vàng 24K

4/ Huỳnh Thị T17 - SN 1970, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: Bị cáo nợ: 08 chỉ 05 phân 01 li vàng 24K; Hui viên nợ bị cáo: 30.375.000đ (*Ba mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

II. Số hui viên còn nợ bị cáo.

-Tổng số tiền 23 (*Hai mươi ba*) hui viên nợ bị cáo là: 424.075.000đ (*Bốn trăm hai mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) và 08 chỉ 06 phân 04 li vàng 24K, trong đó:

* Có 08 (*Tám*) hui viên trả xong cho bị cáo với tổng số tiền là: **103.790.000đ** (*Một trăm lẻ ba triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) và **07 chỉ 05 phân 06 li vàng 24K**, gồm các hui viên sau:

1. Nguyễn Thị T18 – sinh năm 1962, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 10.640.000 đồng

2. Nguyễn Thị N14 – sinh năm 1968, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 8.390.000 đồng

3. Phạm Thị T19 – sinh năm 1971, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 3.280.000 đồng

4. Mai Thị P – sinh năm 1968, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 4.715.000 đồng

5. Nguyễn Thị T20– sinh năm 1970, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 150.000 đồng

6. Nguyễn Thị Tuyết N15 – sinh năm 1976, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 4.375.000 đồng

7. Lê Thị Út T7– sinh năm 1982, HKTT: huyện Mang Thít, số tiền 71.540.000 đồng và 07 chỉ 05 phân 06 li vàng 24K.

8. Nguyễn Thị Thủy T21– sinh năm 1976, HKTT: huyện Vũng Liêm, số tiền 700.000 đồng

* Ngoài ra còn 14 (*Mười bốn*) hui viên nợ bị cáo với tổng số tiền là: 198.225.000đ (*Một trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) và 01 chỉ 0 phân 08 li vàng 24K, các hui viên có tên sau.

1/ Lê Thị Hồng H12 - SN 1973, HKTT huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 8.580.000đ (*Tám triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*). (trước đó chi H12 đã trả 01 phần cho bị cáo với số tiền 104.000.000 đồng)

2/ Phạm Huy T22 - SN 1980, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 2.930.000đ (Hai triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng).

3/ Trịnh Thị Kim T23- SN 1957, HKTT huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 2.850.000đ (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

4/ Phạm Thị N 16 - SN 1977, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 4.665.000đ (Bốn triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

5/ Lê Thị D1 - SN 1981, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 4.555.000đ (Bốn triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

6/ Nguyễn Thị Thanh H13- SN 1977, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 1.020.000đ (Một triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

7/ Nguyễn Phước Vĩnh T7 - SN 1978, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 23.435.000đ (Hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Hiện nay không có ở địa phương.

8/ Võ Thị Tuyết L- SN 1976, HKTT: tỉnh Vĩnh Long: 9.760.000đ (Chín triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

9/ Trần Thị Thủy T24- SN 1980, HKTT huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 11.960.000đ (Mười một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

10/ Hồ Thị P - SN 1970, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long hiện còn nợ: 11.880.000đ (Mười một triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng). (Chị P đã trả cho bị cáo trước đó số tiền 14.000.000 đồng)

11/ Nguyễn Hồng G1 - SN 1986, HKTT huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 15.265.000đ (Mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

12/ Trần Trung H5 - SN 1982, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 455.000đ (Bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

13/ Nguyễn Thị Ngọc N17 - SN 1981, HKTT: huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long: 24.915.000đ (Hai mươi bốn triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng) và 01 chỉ 08 li vàng 24K. Hiện không có ở địa phương

14/ Chị 9 - Thành phố Hồ Chí Minh: 75.955.000đ (Bảy mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Hiện không biết địa chỉ ở đâu.

Trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận số tiền lừa đảo chiếm đoạt 984.245.000đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và 02 chỉ 07 li vàng 24K, bị cáo sử dụng 01 phần vào việc trả nợ, đóng hội mà bị cáo lấy tên không tham gia; đóng bù tiền hội chết cho các hội viên mà bị cáo tự ý lấy tên hót và tiêu xài cá nhân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 02 và ngày 03 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 179; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T : 09 (Chín) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và vợ bị cáo là Trần Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho các bị hại có tên sau đây số tiền như sau:

1/ Nguyễn Thị T2: 79.360.000đ (Bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

2/ Trần Thị Cẩm H14: 2.140.000đ (Hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).

3/ Nguyễn Thị P : 9.260.000đ (Chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

4/ Nguyễn Thanh H3: 5.320.000đ (Năm triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng).

5/ Châu Thị B1: 15.815.000đ (Mười lăm triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng).

6/ Phan Thị H7: 13.800.000đ (Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

7/ Trần Thị Thu T3: 23.360.000đ (Hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

8/ Nguyễn Thị U: 5.710.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

9/ Nguyễn Thị Mỹ A : 5.710.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

10/ Trần Thị Lệ Q : 27.530.000đ (Hai mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

11/ Hồ Văn H8: 12.990.000đ (Mười hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

12/ Trần Thị Đ : 21.190.000đ (Hai mươi một triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).

13/ Nguyễn Thụy Phương T17: 13.800.000đ (Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

14/ Nguyễn Thị Tuyết V , sinh năm 1970: 5.490.000đ (Năm triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

15/ Lê Thị H6: 6.150.000đ (Sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

16/ Trần Thị Bích T4: 64.300.000đ (Sáu mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng).

- 17/ Nguyễn Thị Kim H2: 133.810.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu, tám trăm mười nghìn đồng).
- 18/ Phùng Thị M : 11.690.000đ (Mười một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).
- 19/ Phạm Văn K2: 3.810.000đ (Ba triệu, tám trăm mười nghìn đồng).
- 20/ Ngô Thị T21: 9.630.000đ (Chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng).
- 21/ Trần Thị D : 9.950.000đ (Chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).
- 22/ Võ Thị Hồng N9: 12.300.000đ (Mười hai triệu, ba trăm nghìn đồng).
- 23/ Nguyễn Thị Tuyết V1, sinh năm 1979: 30.800.000đ (Ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng).
- 24/ Lê Thị V2: 17.800.000đ (Mười bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).
- 25/ Trần Văn Bé S3: 13.060.000đ (Mười ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).
- 26/ Võ Thị N3: 8.410.000đ (Tám triệu, bốn trăm mười nghìn đồng).
- 27/ Trần Thị N10: 13.270.000đ (Mười ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).
- 28/ Lê Thị Hồng L : 97.110.000đ (Chín mươi bảy triệu, một trăm mười nghìn đồng).
- 29/ Trịnh Kim P : 38.680.000đ (Ba mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).
- 30/ Trần Thị Bé N : 22.640.000đ (Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).
- 31/ Lê Thị D2: 5.710.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).
- 32/ Nguyễn Văn H4: 48.860.000đ (Bốn mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).
- 33/ Nguyễn Văn T5: 17.090.000đ (Mười bảy triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).
- 34/ Lương Văn L1: 56.405.000đ (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).
- 35/ Phùng Thị H : 5.335.000đ (Năm triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
- 36/ Lê Thị Ngọc M1 : 6.630.000đ (Sáu triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng).
- 37/ Đoàn Thị N11: 38.380.000đ (Ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).
- 38/ Lê Kim N12: 5.120.000đ (Năm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

39/ Nguyễn Xuân V3: 8.030.000đ (Tám triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng).

40/ Lê Văn H3: 72.095.000đ (Bảy mươi hai triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

41/ Phạm Thị Thu M : 13.915.000đ (Mười ba triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng).

42/ Nguyễn Đức T8: 35.030.000đ (Ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng).

43/ Nguyễn Thị T6: 22.390.000đ (Hai mươi hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

44/ Nguyễn Văn H15. Địa chỉ: : 5.710.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

45/ Nguyễn Thị N , sinh năm 1970 : 27.620.000đ (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

46/ Trần Văn Bé B2: 31.630.000đ (Ba mươi một triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

47/ Nguyễn Thị N4, sinh năm 1963: 08 chỉ 05 phân 01 li vàng 24K.

48/ Huỳnh Thị Thứ N12: 08 chỉ 05 phân 01 li vàng 24K.

49/ Trần Thị N13: 2.515.000đ (Hai triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng).

50/ Lê Thị Cẩm H10: 9.430.000đ (Chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

51/ Nguyễn Thị Phương T15: 2.400.000đ (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

52/ Hồ Thị S2: 21.516.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng).

53/ Võ Chơn T9: 86.502.000đ (Tám mươi sáu triệu, năm trăm lẻ hai nghìn đồng).

54/ Đỗ Thị Kim H11: 68.055.000đ (Sáu mươi tám triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

55/ Nguyễn Thị L2: 151.740.000đ (Một trăm năm mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

56/ Nguyễn Thị Mỹ K3: 24.250.000đ (Hai mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

57/ Phùng Thị L3: 114.525.000đ (Một trăm mười bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

58/ Đinh Ngọc D1: 65.785.000đ (Sáu mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

59/ Nguyễn Thị S3: 27.600.000đ (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

60/ Hồ Thị Hồng G1: 5.120.000đ (Năm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

61/ Trần Thị G : 6.760.000đ (Sáu triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

62/ Hồ Thị Thu C : 33.215.000đ (ba mươi ba triệu, hai trăm mười lăm ngàn đồng).

63/ Lê Văn Hồng V4: 27.940.000đ. (hai mươi bảy triệu, chín trăm bốn chục ngàn đồng)

64/ Trần Thị My N2: 176.062.500đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng)

65/ Nguyễn Thị Lệ T4: 7.817.000đ (bảy triệu, tám trăm mười bảy ngàn đồng)

Buộc 11 (Mười một) hội viên có tên sau có trách nhiệm hoàn trả cho bị cáo số tiền như sau:

1/ Lê Thị Hồng H12 hiện còn nợ bị cáo: 8.580.000đ (Tám triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

2/ Phạm Huy T22 hiện còn nợ bị cáo: 2.930.000đ (Hai triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng).

3/ Trịnh Thị Kim T23 hiện còn nợ bị cáo: 2.850.000đ (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

4/ Phạm Thị N16 hiện còn nợ bị cáo: 4.665.000đ (Bốn triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

5/ Lê Thị D1 hiện còn nợ bị cáo: 4.555.000đ (Bốn triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

6/ Nguyễn Thị Thanh H13 hiện còn nợ bị cáo: 1.020.000đ (Một triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

7/ Võ Thị Tuyết L hiện còn nợ bị cáo: 9.760.000đ (Chín triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

8/ Trần Thị Thủy T24 hiện còn nợ bị cáo: 11.960.000đ (Mười một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

9/ Hồ Thị P hiện còn nợ bị cáo: 11.880.000đ (Mười một triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng). (Chị Phượng đã trả cho bị can trước đó số tiền 14.000.000 đồng).

10/ Nguyễn Hồng G1 hiện còn nợ bị cáo: 15.265.000đ (Mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

11/ Trần Trung H5 hiện còn nợ bị cáo: 455.000đ (Bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Riêng đối với Nguyễn Phước Vĩnh T7, Nguyễn Thị Ngọc N17, C chưa xác nhận nợ, không rõ địa chỉ, tách ra để giải quyết sau.

Ghi nhận sự ủy quyền của bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị T1 (vợ bị cáo), và con của bị cáo là Nguyễn Thị Hồng T25, Nguyễn Thị Phương T26 đồng ý ủy quyền cho Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long được đứng ra bán đấu giá tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 8.100m² tọa lạc tại huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long hiện đang thế chấp ngân hàng Nông nghiệp. Quyền sử dụng đất mang tên Hộ Nguyễn Văn S4, ngụ tại An Giang, chứng nhận mặt 4 giấy chứng nhận tên Nguyễn Văn T. (Theo giấy ủy quyền ngày 17/6/2018).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong các ngày từ ngày 11, 12, 13 đến 15 tháng 7 năm 2018 các bị hại (21 bị hại) gồm có: Bà Nguyễn Thị T2, bà Trần Thị Thu T3, bà Trần Thị Bích T4, bà Trần Thị D, bà Lê Thị Hồng L, bà Trịnh Thị Kim P, bà Trần Thị Bé N, ông Nguyễn Văn T5, ông Lương Văn L1, bà Phùng Thị H, bà Nguyễn Thị T6, Bà Nguyễn Thị N1, bà Đỗ Thị Kim H 1, bà Nguyễn Thị L2, bà Phùng Thị L3 bà Trần Thị My N2, bà Hồ Thị Thu C, bà Đinh Ngọc D1, bà Võ Thị N3, bà Nguyễn Thị Kim H2, và bà Nguyễn Thị N4 kháng cáo Bản án sơ thẩm đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T và cho rằng Trần Thị T1 là đồng phạm với bị cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời Trần Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho các bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo 09 năm tù giam là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Đối với vợ của bị cáo là bà Trần Thị T không biết hành vi của chồng nên không có căn cứ xác định là đồng phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Phan Văn S và Luật sư Võ Thành K bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Chia sẻ bức xúc với các bị hại. Bị cáo Nguyễn Văn T đã thấy hối hận, thấy có trách nhiệm phải trả lại tiền cho các bị hại và gia đình bị cáo sẽ cố gắng khắc phục hậu quả. Không đồng ý với kháng cáo của bị hại, đồng tình với ý kiến của Viện kiểm sát. Bản án sơ thẩm đã xử đúng hướng điều tra của Công an và Cáo trạng của Viện kiểm sát. Bị cáo được hưởng một số tình tiết giảm nhẹ. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ tuyên dưới khung hình phạt (9 năm tù) và trách nhiệm dân sự là đúng người đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự và không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Ngọc S5 bảo vệ cho bà Nguyễn Thị Ng và bà Đỗ Thị Kim H1 trình bày: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng lòng tin của nhiều người, bị cáo đã tổ chức lập các dây hội kêu gọi các hội viên tham gia, ghi tên người chơi hội không để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với hành vi, hậu quả bị cáo gây nên. Ngoài ra, cần đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm hình sự của vợ bị cáo là bà Trần Thị T1, vì có căn cứ xác định bà T1 là đồng phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo bắt đầu tổ chức chơi hội từ tháng 2/2012 kết thúc tháng 10/2016, vợ bị cáo có tham gia nhưng không biết gì. Sổ sách là do một mình bị cáo lập và quản lý, vợ bị cáo cũng không biết. Bị cáo có nhờ vợ là Trần Thị T1 đi gom hội, nhưng gom được tiền thì về giao hết cho bị cáo. Khi nào bị cáo không có mặt ở nhà thì nhờ vợ bị cáo khai hội dùm. Đi thu tiền hội thì có đôi lúc bị cáo chở vợ đi cùng. Tiền thu của các hội viên một phần trả nợ riêng của bị cáo và bị cáo có cho em ruột là Nguyễn Văn S6, em vợ là Trần Thị N1 vay tiền nhưng đến nay chưa trả. Căn nhà và khu đất trên 2.000m² là của vợ chồng bị cáo, đã sang tên cho con gái vào tháng 2 năm 2016. Bị cáo lấy hội trước trả hội sau gởi đầu sau, lãi mẹ đẻ lãi con nên mất khả năng thanh toán. Bị cáo xác định một mình tôi phạm tội, vợ bị cáo không liên quan gì. Bị cáo đồng ý dùng hơn 8.000m² đất (đang thế chấp ngân hàng) để bán đi lấy tiền trả nợ cho các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại.

Người bị hại trình bày: (Toàn bộ các bị hại có kháng cáo đồng ý để cho bà Nguyễn Thị L2 đại diện trình bày).

Bị cáo Nguyễn Văn T và vợ là Trần Thị T1 đã lợi dụng lòng tin của chúng tôi, kêu gọi chúng tôi tham gia chơi hội để lừa và chiếm đoạt tiền của chúng tôi, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử ông T 09 năm tù là nhẹ. Bà T1 là người trực tiếp đi mời chúng tôi chơi hội; trực tiếp thu tiền, tổ chức khai hội nên là chủ hội và phải là đồng phạm với ông T, nhưng các cơ quan cơ thẩm quyền không xử lý hình sự là bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, vợ chồng ông T còn có hành vi tẩu tán tài sản, vì khi bà T tuyên bố bế hội thì trước đó khoảng hơn 4 tháng vợ chồng ông T đã sang tên toàn bộ nhà đất của mình cho con gái của vợ chồng ông T đứng tên. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, của bị cáo và người bị hại. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận đã cùng vợ là Trần Thị T1 có tổ chức chơi hội gồm hội 01 tháng gồm hội 1.000.000đ có 9 dây hội, hội 2.000.000đ có 5 dây hội, hội 3.000.000đ có 1 dây hội; hội 3.000.000 đồng/3 tháng có 3 dây hội; hội mùa lúa 3.000.000đ/tháng có 1 dây hội; hội 5.000.000đ/tháng có 1 dây

hụi; hụi vàng 01 chỉ vàng 24K/4 tháng có 1 dây hụi. Trong các dây hụi này, bị cáo có đặt tên không các hụi viên và tự ý lấy tên của các hụi viên ít đi khui hụi hoặc không đi khui hụi để bỏ thâm kê hốt nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Mỗi dây hụi T đều photo danh sách cho từng hụi viên. Hàng tháng, T tổ chức khui hụi 1 lần bằng hình thức bỏ thăm kín, thăm nào cao thì hốt. Sau khi khui hụi xong T hoặc T1 gom tiền hụi của các hụi viên và giao cho người hốt. T và T1 được hưởng hoa hồng 40% của 1 phần hụi đó. Trong số 13 dây hụi mà bị cáo T tổ chức thì T đã lấy 31 phần hụi của các hụi viên, kê không để hốt chiếm đoạt tổng số tiền 984.245.000 đồng và 02 chỉ 07 li vàng 24K. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận trong thời gian từ tháng 2/2012 đến tháng 9/2016, vợ của bị cáo là Trần Thị T1 có tham gia thu tiền hụi, khi bị cáo vắng nhà thì T1 thay bị cáo T tổ chức khui hụi. Số tiền hụi gom của các hụi viên về, một phần bị cáo trả nợ, một phần bị cáo cho em ruột của bị cáo và em vợ của bị cáo mượn, đến nay những người này chưa trả. Bị cáo Nguyễn Văn T còn thừa nhận trước khi bế hụi thì vào tháng 2/2016, vợ chồng bị cáo đã chuyển nhượng, sang tên tài sản của vợ chồng bị cáo là khu đất 2.500m², trên đó có 01 căn nhà cho con của bị cáo. Như vậy, có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thị T1 đã cùng thực hiện chuỗi các hành vi như lập các dây hụi, thu tiền hụi, tổ chức khui hụi... Hành vi của T1 liên kết với hành vi của bị cáo T, tạo điều kiện, hỗ trợ cho nhau để bị cáo T thực hiện tội phạm thuận lợi và là nguyên nhân dẫn đến hậu quả thiệt hại cho các bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Trần Thị T1 có hành vi giúp sức cho bị cáo Tuấn, cùng bị cáo tổ chức chơi hụi, khui hụi, gom hụi và giao hụi... trong thời gian dài từ tháng 2/2012 đến 7/2016 là đã đánh giá đúng vai trò của T1 trong vụ án này, nhưng lại cho rằng T1 có trình độ học vấn thấp, không biết T giả dối các bị hại để xác định T1 không có hành vi đồng phạm là không có cơ sở và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Mặt khác, bị cáo T đã lợi dụng lòng tin của các bị hại kêu gọi các bị hại tham gia chơi hụi để lừa và chiếm đoạt tiền của họ trong một thời gian dài, chiếm đoạt số tiền 984.245.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với hành vi, hậu quả bị cáo gây nên. Do đó, Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại nhằm đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bị hại.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị hại và lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị hại; không chấp nhận lời bào chữa của bị cáo, của Luật sư bào chữa cho bị cáo và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị hại kháng cáo không phải chịu.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị hại có kháng cáo; huỷ toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 02 và ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị hại kháng cáo không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1);
- Công an tỉnh Vĩnh Long (1);
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long (1);
- Cục THA DS tỉnh Vĩnh Long (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (66);
- Người có QL và NVLQ (15)
- Lưu hồ sơ vụ án (3). 14b. (TTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh